

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành**  
**Dự án Kè Việt Thống đoạn từ K64+900÷K66+500**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18.6.2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18.6.2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5.4.2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18.6.2015;*

*Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 18.6.2015 của Chính phủ về quản lý chi phí Đầu tư xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14.8.2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11.11.2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT- BTC ngày 11.11.2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 113/BC-STC ngày 17/5/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Kè Việt Thống đoạn từ K64+900÷K66+500 hoàn thành:

- Dự án: Kè Việt Thống đoạn từ K64+900÷K66+500.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh.

- Địa điểm xây dựng: huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Tổng mức vốn đầu tư: 59.581.371.000 đồng.

- Thời gian khởi công và hoàn thành thực tế: Khởi công T9/2020 - Hoàn thành: T7/2021.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

**1. Chi phí đầu tư**



Đơn vị tính: đồng

| Nội dung        | Dự toán được duyệt    | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|
| <b>Tổng số:</b> | <b>48.546.006.061</b> | <b>41.735.720.900</b>             |
| - CPMB          | 4.748.403.000         | 168.438.000                       |
| - Xây lắp       | 39.692.435.000        | 37.874.281.000                    |
| - QLDA          | 899.575.000           | 848.661.000                       |
| - Tư vấn        | 2.419.193.061         | 2.332.981.000                     |
| - Chi phí khác  | 786.400.000           | 511.359.900                       |

**2. Vốn đầu tư**

Đơn vị: đồng

| Nội dung  | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Thực hiện           |                           |                  |
|---|-----------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------|
|   |                                   | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân | Thu hồi nộp NSNN |
| Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có) | 41.735.720.900                    | 39.300.000.000      | 2.589.165.900             | 153.445.000      |

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư**

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung                          | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                 |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|                                   | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi |
| <b>Tổng số:</b>                   |                          |                 |                          |                 |
| Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |                 | 41.735.720.900           |                 |
| Tài sản ngắn hạn                  |                          |                 |                          |                 |

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.****Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

- Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn   | Số tiền        | Ghi chú |
|---|----------------|---------|
| Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có) | 41.735.720.900 |         |

**2. Tổng các khoản nợ tính đến ngày 09 tháng 5 năm 2023 là:**

|   |                        |
|---|------------------------|
| <b>2.1 Nợ phải thu:</b>   | <b>2.589.165.900 đ</b> |
| - Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có)                   | 2.589.165.900 đ        |
| <b>2.2 Nợ phải trả:</b>   | <b>2.589.165.900 đ</b> |
| - Công ty cổ phần xây dựng Bắc Ninh   | 716.207.900 đ          |
| - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Ninh:         | 48.583.000 đ           |
| - Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Yến Hải Kim:                                       | 84.438.000 đ           |
| - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: | 1.676.784.000 đ        |
| - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh:                                 | 1.495.000 đ            |
| - Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh:   | 61.658.000 đ           |
| <b>2.3 Nộp ngân sách Nhà nước</b>   | <b>153.445.000 đ</b>   |
| - Công ty xây dựng Ninh Giang (TNHH)  | 153.445.000 đ          |

**3. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản.  
Đơn vị: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận quản lý tài sản | Tài sản cố định/<br>dài hạn | Tài sản<br>ngắn hạn |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------|
| Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh      | 41.735.720.900              |                     |

**Điều 4.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Kho bạc nhà nước tỉnh, Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ml*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP NN;
- Lưu: VT, NN.



Vương Quốc Tuấn